

Phụ lục KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH TỈNH (VỐN ĐỐI ỨNG) NĂM 2025 TỪ NGUỒN XÓ SỔ KIẾN THIẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (ĐỢT 1) (Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng) Đơn vị tính: Triệu đồng																					
Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2024		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025 đã phân bổ theo Nghị quyết số 164/QĐ-HĐND	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		
	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã										121.673	99.958	40.504	36.605	40.504	36.605	62.616	5.800	5.800	62.616	
I	Huyện Cù Lao Dung										9.086	7.699	1.165	831	1.165	831	6.868	-	-	6.868	
1	Lộ tề bến đò Vòm Tắc (giai đoạn 1)	Xã An Thạnh Đông	Phòng giao dịch số 11 - KBNN khu vực XVIII	8077600	280-292	Dài 554 m, rộng 3 m	2024-2025	368/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	2.374	2.040	2.374	2.040	1.165	831	1.165	831	1.209			1.209	Công trình chuyển tiếp
2	Nâng cấp, mở rộng nhà Văn hóa xã	Xã An Thạnh Đông	Phòng giao dịch số 11 - KBNN khu vực XVIII	8108504	160-161	Làm mới cột, tường; thay trần; thay mới hệ thống điện;...	2025	1488/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	560	482	560	482					482			482	
3	Đường giao thông lộ tề khém Ông Bộ	Xã An Thạnh Đông	Phòng giao dịch số 11 - KBNN khu vực XVIII	8108506	280-292	Dài 742,36 m, rộng 3 m và 01 công ngang đường	2025	1430/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	2.575	2.177	2.575	2.177					2.177			2.177	
4	Đường Rạch Ông Cột - Bình Linh (giai đoạn 2)	Xã An Thạnh Tây	Phòng giao dịch số 11 - KBNN khu vực XVIII	8106394	280-292	Dài 885,43 m, rộng 3 m và 01 công ngang đường	2025	1523/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	3.577	3.000	3.577	3.000					3.000			3.000	
II	Huyện Trần Đề										15.620	13.000	7.500	7.500	7.500	7.500	5.500	-	-	5.500	
1	Sửa chữa đường từ ngã tư chùa phát đến giáp ranh thị trấn Lịch Hội Thượng	Xã Lịch Hội Thượng	Phòng giao dịch số 11 - KBNN khu vực XVIII	8077403	280-292	Dài 2.085 m, rộng 3,5 m và rãnh thoát nước dài 1.485 m, rộng 0,7 m	2024-2025	1273/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	10.050	8.500	10.050	8.500	6.500	6.500	6.500	6.500	2.000			2.000	Công trình chuyển tiếp
2	Cầu bê tông qua sông Gỏi (đoạn trước nhà ông Trương Văn Chót)	Xã Lịch Hội Thượng	Phòng giao dịch số 11 - KBNN khu vực XVIII	8077420	280-292	Dài 30 m, rộng 3,9 m	2024-2025	1274/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	1.836	1.500	1.836	1.500	1.000	1.000	1.000	1.000	500			500	Công trình chuyển tiếp
3	Đường bê tông cấp kênh Tổng Cánh - xóm Sài Gòn (giai đoạn 1)	Xã Viên Bình	Phòng giao dịch số 11 - KBNN khu vực XVIII	8077407	280-292	Dài 1.430,3 m, rộng 3 m và 01 cây cầu	2025	1272/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	3.734	3.000	3.734	3.000					3.000			3.000	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2024		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025 đã phân bổ theo Nghị quyết số 164/QĐ-HĐND	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		
III	Huyện Châu Thành										13.736	8.800	-	-	-	-	8.800	5.800	5.800	8.800	
1	Nhà văn hóa xã Phú Tân	Xã Phú Tân	Phòng giao dịch số 10 - KBNN khu vực XVIII	8077324	340-341	Xây mới nhà văn hóa xã diện tích 710 m ² ; hệ thống thoát nước; phòng cháy, chữa cháy;...	2025	405a/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	10.458	5.800							5.800	5.800		-	
2	Nâng cấp, mở rộng Đường cây me	Xã Phú Tân	Phòng giao dịch số 10 - KBNN khu vực XVIII	8138371	280-292	Dài 2.800 m, rộng 3,5 m và 03 cầu trên tuyến	2025	518/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	10.302	5.800	10.302	5.800						5.800	5.800	5.800	
3	Đường Kênh ranh 3 xã	Xã An Hiệp	Phòng giao dịch số 10 - KBNN khu vực XVIII	8077317	280-292	Dài 905 m, rộng 3,5 m	2025	406a/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	3.434	3.000	3.434	3.000					3.000			3.000	
IV	Huyện Kế Sách										27.350	23.900	13.229	11.879	13.229	11.879	12.021	-	-	12.021	
1	Trường Tiểu học Ba Trinh 2	Xã Ba Trinh	Phòng giao dịch số 10 - KBNN khu vực XVIII	8077260	070-072	San lấp mặt bằng 1.249,4 m ² ; nhà đa năng 810 m ² ; cổng, hàng rào; nhà vệ sinh;...	2024-2025	08/QĐ-UB(XDCB).24 ngày 31/01/2024	12.850	11.000	12.850	11.000	8.150	7.500	8.150	7.500	3.500			3.500	Công trình chuyển tiếp
2	Trường Tiểu học An Lạc Tây	Xã An Lạc Tây	Phòng giao dịch số 10 - KBNN khu vực XVIII	8077259	070-072	Khối nhà đa năng 812,5 m ² ; khối 06 phòng học + chức năng 667,6 m ² ; nhà xe học sinh; sân nội bộ - thoát nước; phòng cháy, chữa cháy	2024-2025	11/QĐ-UB(XDCB).24 ngày 31/01/2024	14.500	12.900	14.500	12.900	5.079	4.379	5.079	4.379	8.521			8.521	Công trình chuyển tiếp
V	Thị xã Vĩnh Châu										11.358	8.800	-	-	-	-	8.063	-	-	8.063	
1	Đường trước chùa Tham Chu - Xẻo Úi	Xã Vĩnh Tân	Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực XVIII	8105898	280-292	Dài 3.783,71 m, rộng 3 m	2025	1820/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	5.788	5.037	5.788	5.037					4.300			4.300	
2	Đường kênh Tân Quy	Xã Vĩnh Tân	Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực XVIII	8105900	280-292	Dài 729,46 m, rộng 3 m	2025	1821/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	1.470	1.106	1.470	1.106					1.106			1.106	
3	Đường cập kênh cũ Tân Thành A (cầu cập kênh)	Xã Vĩnh Hiệp	Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực XVIII	8105901	280-292	Dài 518 m, rộng 3,5 m	2025	1584/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.611	1.277	1.611	1.277					1.277			1.277	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2024		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025 đã phân bổ theo Nghị quyết số 164/QĐ-HĐND	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		
4	Đường cấp kênh Trà Nho	Xã Vĩnh Hiệp	Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực XVIII	8105899	280-292	Dài 949,28 m, rộng 3,5 m	2025	1585/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	2.489	1.380	2.489	1.380					1.380			1.380	
VI	Huyện Mỹ Xuyên										18.530	14.500	12.515	10.300	12.515	10.300	4.200	-	-	4.200	
1	Tuyến đường từ đường Huyện 15 đến bến phà Hòa Nhạn	Xã Hòa Tú 1	Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực XVIII	8076601	280-292	Dài 5.007 m, rộng 3 m	2024-2025	283/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	13.715	11.500	13.715	11.500	12.515	10.300	12.515	10.300	1.200			1.200	Công trình chuyển tiếp
2	Đường giao thông nông thôn liên ấp Trà Bết - Sông Cái 2	Xã Tham Đôn	Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực XVIII	8076604	280-292	Dài 1.137,6 m, rộng 3,5 m và 01 cây cầu	2025	284/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	4.815	3.000	4.815	3.000					3.000			3.000	
VII	Huyện Thạnh Trị										12.214	11.659	-	-	-	-	11.659	-	-	11.659	
1	Nâng cấp, mở rộng lộ Tân Thắng - Tân Phước	Xã Thạnh Tân	Phòng giao dịch số 13 - KBNN khu vực XVIII	8075943	290-292	Dài 4.464,84 m, rộng 3,5 m và 02 cây cầu	2025	339/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	12.214	11.659	12.214	11.659					11.659			11.659	
VIII	Huyện Long Phú										13.779	11.600	6.095	6.095	6.095	6.095	5.505	-	-	5.505	
1	Trường Tiểu học Long Đức B, ấp Lợi Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú	Xã Long Đức	Phòng giao dịch số 11 - KBNN khu vực XVIII	8076678	070-072	Xây dựng mới khối hành chính quản trị, khối phòng bộ môn và hỗ trợ học tập, khối phụ trợ với tổng diện tích sàn 1.676,3 m ² và các hạng mục phụ	2024-2025	07/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	13.779	11.600	13.779	11.600	6.095	6.095	6.095	6.095	5.505			5.505	Công trình chuyển tiếp